

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 322/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18-12-2024
V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị Tú A và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 202/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Tú A, sinh năm 1995; địa chỉ: Đội C, thôn D, xã E, huyện F, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Lưu Ngọc B, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm G, xã H, huyện I, tỉnh Nam Định.

(chị A, anh B xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Tú A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Tú A và anh Lưu Ngọc B đăng ký kết hôn với nhau ngày 10/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị và anh B cùng làm việc tại thành phố Hà Nội đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau. Trong cuộc sống anh B không có trách nhiệm với gia đình nên từ năm 2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau. Nay chị A nhận thấy tình cảm đối với anh B không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lưu Ngọc Bảo I, sinh ngày 22/9/2019. Hiện nay con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng tiếp tục nhận nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Về công việc, chị đang làm điều dưỡng tại bệnh viện Việt Xô Hà Nội có mức thu nhập hàng tháng là 15.000.000đ nên chị có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị xác nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 27/11/2024, bị đơn anh Lưu Ngọc B trình bày:

Anh thống nhất với chị A về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống, thời gian sống ly thân. Theo anh B, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế nên hay xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung. Nay chị A làm đơn xin ly hôn, anh nhận thấy vợ chồng cũng không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận, vợ chồng có 01 con chung như chị A trình bày, hiện nay con chung đang ở cùng chị A nên anh nhất trí để con cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con khi có điều kiện.

Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác nhận không có.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội Đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Phạm Tú A và anh Lưu Ngọc B. Về con chung: Giao cháu Lưu Ngọc Bảo I, sinh ngày 22/9/2019 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị A. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Về tài sản: Do các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Phạm Tú A và anh Lưu Ngọc B có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Tú A và anh Lưu Ngọc B là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã E, huyện F, thành phố Hà Nội đăng ký kết hôn ngày 10/5/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm việc tại Hà Nội, sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh B xuất phát từ mâu thuẫn về kinh tế, chị A cho rằng anh B không có trách nhiệm với gia đình. Mặt khác, tính cách hai người không hợp nên cũng thường xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị A xin ly hôn, anh B cũng xác định không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho chị được ly hôn anh B là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Chị A và anh B đều xác nhận vợ chồng có một con chung là Lưu Ngọc Bảo I, sinh ngày 22/9/2019. Khi ly hôn chị A có nguyện vọng xin được nuôi con, anh B nhất trí. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân thì con chung sống cùng chị A. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các con chung nên cần tiếp tục giao cháu I cho chị A nuôi dưỡng; do chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị A nên về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị A và anh B đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Phạm Tú A phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Tú A và anh Lưu Ngọc B.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Ngọc Bảo I, sinh ngày 22/9/2019 cho chị Phạm Tú A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lưu Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị A. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Do cháu I đang ở cùng chị A nên hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau nuôi dưỡng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phạm Tú A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005875 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Đê Phạm Văn Lịch

Phạm Thúy Nga